# **QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG**  **NAM ĐỊNH**  Số: 1548/QĐ-ĐDN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Nam Định, ngày 20 tháng 7 năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH**

*Căn cứ Quyết định số 24/2004/QĐ-TTg ngày 26/02/2004 của Thủ tướng Chính* *phủ về việc thành lập Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;*

*Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-BYT ngày 07/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ đại học từ năm học 2021-2022.

**Điều 3.** Trưởng các Khoa, Phòng, Trung tâm và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***  **KT.HIỆU TRƯỞNG**

- Như Điều 3; **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

- Lưu: VT, ĐTĐH. (Đã ký)

**Trương Tuấn Anh**

**QUY CHẾ** **ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1548/QĐ-ĐDN ngày 20 tháng 7 năm 2021*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, bao gồm: Chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; những quy định khác đối với sinh viên.

2. Quy chế này áp dụng đối với người học, các cá nhân, đơn vị liên quan đến tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

3. Quy chế này là căn cứ để xây dựng các quy định cụ thể liên quan đến tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

**Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập**

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

a) Tín chỉ là đơn vị đo khối lượng học tập. Một tín chỉ bao gồm 15 tiết giảng lý thuyết và 30 giờ chuẩn bị cá nhân hoặc 30 tiết bài tập, thảo luận, thực hành, thí nghiệm và 15 giờ chuẩn bị cá nhân hoặc 45 giờ thực tập tại các bệnh viện/cộng đồng/làm khóa luận tốt nghiệp hoặc 45-90 giờ thực tập tốt nghiệp.

Một tiết học được tính bằng 50 phút.

b) Học phần là đơn vị cấu thành chương trình đào tạo, được tổ chức dạy – học trọn vẹn trong 1 học kỳ. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2-4 tín chỉ trừ một số học phần đặc biệt như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp có thể có khối lượng lớn hơn nhưng không quá 8 tín chỉ. Mỗi học phần được ấn định một mã riêng (3 chữ cái đầu là tên viết tắt tiếng anh của học phần, 02 số tiếp theo là qui định thuộc về khối kiến thức, hai số tiếp theo chỉ số các học phần có cùng nội dung). Một học phần có thể được sử dụng trong nhiều chương trình đào tạo với cùng khối lượng và nội dung

Học phần tương đương: một hay một nhóm học phần được gọi là tương đương với học phần A của một chương trình đào tạo khi các học phần này có nội dung và thời lượng tương đương với yêu cầu cơ bản nhất của học phần A đó.

Học phần thay thế được áp dụng khi một học phần có trong chương trình đào tạo thay đổi hay điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy và được thay thế bằng một học phần khác đang còn tổ chức giảng dạy hoặc học phần mới.

Học phần tiên quyết là học phần bắt buộc sinh viên phải học trước và tích lũy được (đạt yêu cầu) mới được tiếp tục học sang học phần sau

Học phần song hành: học phần A là học phần song hành của học phần B khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học phần B là sinh viên đã đăng ký hoặc đang học học phần A

Học phần điều kiện là học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và An ninh. Kết quả đánh giá các học phần điều kiện không tính vào điểm trung bình chung tích lũy của học kỳ, khóa học nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp.

c) Chương trình đào tạo bao gồm các nhóm học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

Nhóm học phần bắt buộc: người học phải hoàn thành tất cả các học phần trong danh mục quy định.

Nhóm học phần tự chọn: người học lựa chọn một số học phần trong danh mục để tích lũy đủ số tín chỉ quy định.

Nhóm học phần tự chọn theo module: người học chọn một định hướng chuyên môn và phải hoàn thành tất cả học phần trong danh mục của nhóm học phần tự chọn theo module

d) Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ khối lượng học tập, điều kiện tham dự học phần, mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần và kết quả mong đợi, mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình, cách thức đánh giá học phần, nội dung và kế hoạch học tập, ngôn ngữ giảng dạy, giáo trình và tài liệu tham khảo.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo ngành và trình độ đào tạo (áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau). Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho sinh viên.

4. Đối với mỗi hình thức đào tạo, chương trình đào tạo cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá để định hướng cho sinh viên.

a) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo chính quy là 4 năm.

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 5 năm.

5. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học là 8 năm đối với đào tạo chính qui và 10 năm đối với đào tạo vừa làm vừa học. Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

**Điều 3. Phương thức tổ chức đào tạo**

Nhà trường thực hiện đào tạo theo tín chỉ đối với tất cả các khóa học, hình thức đào tạo (chính qui, vừa làm vừa học) của chương trình đào tạo trình độ đại học đang thực hiện trong nhà trường (Điều dưỡng, Hộ sinh, Y tế công cộng, Dinh dưỡng):

1. Tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Nhà trường;

2. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

3. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

**Điều 4. Hình thức đào tạo**

1. Đào tạo chính quy:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Nhà trường, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường (tại các cơ sở thực hành, cộng đồng);

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy tại trường trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7; thời gian tổ chức hoạt động thực hành tại các cơ sở thực hành, cộng đồng theo qui định hiện hành của các cơ sở thực hành

2. Đào tạo vừa làm vừa học:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Nhà trường, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường (tại các cơ sở thực hành, cộng đồng);

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

**CHƯƠNG II**

**LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY**

**Điều 5. Kế hoạch giảng dạy và học tập**

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập được Nhà trường xây dựng theo năm học và theo học kỳ.

2. Kế hoạch năm học: Trước mỗi năm học Nhà trường cung cấp cho sinh viên những mốc thời gian chính của hoạt động đào tạo.

a) Mỗi năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ có tối thiểu 15 tuần thực học và từ 02 đến 04 tuần thi.

b) Ngoài hai học kỳ chính, Nhà trường tổ chức thêm một học kỳ phụ có tối thiểu 5 tuần học và 1 tuần thi. Trên cơ sở kế hoạch đào tạo của Nhà trường, nhu cầu của người học, Hiệu trưởng xem xét quyết định thời gian, kế hoạch tổ chức kỳ học phụ theo quy định hiện hành.

3. Kế hoạch học kỳ: trước mỗi học kỳ 2 tuần Nhà trường cung cấp cho sinh viên kế hoạch mở lớp, những học phần học trực tiếp, những học phần học trực tuyến, lịch học, lịch thi cụ thể bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch và đăng ký học tập.

4. Thời khóa biểu của các học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần/lớp học phần bất kỳ (lý thuyết hoặc thực hành tại trường) không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

5. Thời gian, địa điểm, hình thức bố trí các giờ lên lớp được quy định tại Điều 3, Điều 4 của quy định này.

**Điều 6. Tổ chức đăng ký học tập**

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có).

Có 3 thời điểm đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi kỳ: đăng ký sớm, đăng ký đúng hạn và đăng ký muộn:

a) Đăng ký sớm: được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng.

b) Đăng ký đúng hạn: được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần.

c) Đăng ký muộn: được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

d) Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng kỳ học phải đảm bảo điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể. Tùy tình hình thực tế của từng năm học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định các thời điểm đăng ký phù hợp.

e) Sinh viên đăng ký tín chỉ trực tuyến trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và gửi phiếu đăng ký học có xác nhận của cố vấn học tập về Phòng Đào tạo Đại học trong thời gian qui định cụ thể của Nhà trường đối với từng kỳ học. Phòng Đào tạo Đại học rà soát, xin ý kiến lãnh đạo Nhà trường, điều chỉnh các lớp học phần không đáp ứng yêu cầu tổ chức lớp học, thông báo lại cho sinh viên đăng ký bổ sung các lớp học phần khác cho đủ khối lượng học tập theo qui định.

2. Khối lượng học tập đăng ký của sinh viên trong mỗi kỳ học:

Khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn bằng tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo chia 8 kỳ học đối với hệ chính qui và chia 10 kỳ học đối với hệ vừa làm vừa học.

a) Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

b) Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

c) Khối lượng tối đa không vượt quá 8 tín chỉ và không qui định khối lượng học tập tối thiểu ở học kỳ phụ.

d) Sinh viên bị xếp loại học lực yếu, kém ở học kỳ trước chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

e) Sinh viên được phép hoàn thành chương trình và tốt nghiệp sớm hơn hoặc chậm hơn so với thời gian thiết kế, nhưng thời gian tối đa hoàn thành chương trình không được vượt quá qui định tại Khoản 5, Điều 2 của Qui chế này

3. Rút bớt học phần đã đăng ký:

a) Thời gian qui định cho việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký là trong 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính và trong 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ;

b) Sinh viên phải viết đơn xin rút học phần đã đăng ký, có xác nhận của cố vấn học tập và gửi về Phòng Đào tạo Đại học trong khoảng thời gian quy định tại mục a khoản 3 điều này;

c) Ngoài thời gian qui định tại mục a khoản 3 điều này, các học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký, sinh viên không học học phần nào, phải nhận điểm F học phần đó và những học phần này tính học phí theo quy định.

**Điều 7. Tổ chức giảng dạy và học tập**

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập:

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c) Thực hiện công tác thanh tra, giám sát nội bộ và cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá phản hồi của người học.

2. Lớp sinh viên:

a) Lớp sinh viên bao gồm những sinh viên cùng ngành, cùng khoá học. Lớp sinh viên được duy trì ổn định trong cả khoá học để Nhà trường tổ chức, quản lý về thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện, các hoạt động đoàn thể, các hoạt động xã hội, thi đua, khen thưởng kỷ luật.

b) Mỗi lớp sinh viên có một tên riêng và gắn với ngành và khoá đào tạo, do một cố vấn học tập phụ trách.

3. Lớp học phần:

a) Bao gồm những sinh viên đăng ký cùng học một học phần, được tổ chức theo thời gian học của một học phần. Mỗi lớp được ký hiệu bằng một mã số riêng để nhà trường theo dõi, quản lý về học tập và ý thức kỷ luật của sinh viên trong giờ học.

b) Số sinh viên trung bình trong một lớp học phần là 40 sinh viên (tối đa là 50 sinh viên/lớp, tối thiểu là 30 sinh viên/lớp)

c) Đối với lớp học phần có khối lượng sinh viên đăng ký dưới mức tối thiểu, Nhà trường sẽ điều chỉnh các lớp học phần.

4. Việc phân công giảng viên, phân công giảng dạy, giảng viên hướng dẫn thí nghiệm, thực hành, thực tập, hướng dẫn khóa luận, chấm khóa luận và các hoạt động khác thực hiện theo quy định về chế độ định mức làm việc của giảng viên trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

5. Việc lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học và việc công khai ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ, hình thức công khai được thực hiện theo Quy định về đảm bảo chất lượng hiện hành.

6. Trách nhiệm và quyền lợi của giảng viên; trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn và các đơn vị quản lý, hỗ trợ liên quan được thực hiện theo Quy chế tổ chức, hoạt động hiện hành của nhà trường.

7. Trách nhiệm và quyền lợi của sinh viên khi tham dự các lớp học, tham gia thí nghiệm, thực hành hoặc khi được giao thực tập, khóa luận tốt nghiệp và các hoạt động học tập khác được thực hiện theo Quy chế quản lý sinh viên

8. Dạy và học trực tuyến:

Căn cứ vào tình hình và điều kiện cụ thể, Nhà trường tổ chức các lớp học phương thức trực tuyến đảm bảo theo các quy định hiện hành. Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Nhà trường thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**CHƯƠNG III**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP**

**Điều 8. Đánh giá kết quả học tập và tính điểm học phần**

1. Đánh giá học phần:

Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá các điểm thành phần như sau:

a) Một điểm chuyên cần để đánh giá thái độ tham gia học tập, hoàn thành nhiệm vụ học tập do giảng viên giao và tính chuyên cần của sinh viên. Điểm này có trọng số 10%.

b) Từ một đến ba điểm kiểm tra học phần, đánh giá nội dung thực hành hoặc nội dung lý thuyết, hoặc tiểu luận,…. Điểm này có trọng số 40%.

c) Một điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi học phần và có trọng số 50%.

Việc lựa chọn các phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương học phần và phải được Hiệu trưởng phê duyệt. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Kiểm tra học phần:

a) Hình thức, thời điểm và thời lượng làm bài kiểm tra học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần, giảng viên giảng dạy học phần thông báo đến sinh viên trong buổi học đầu tiên của học phần.

b) Số điểm kiểm tra học phần: Mỗi học phần, sinh viên được đánh giá tối thiểu 1 điểm kiểm tra. Trường hợp sinh viên vắng kiểm tra có lý do chính đáng, sinh viên phải viết có đơn có xác nhận của cố vấn học tập, gửi giảng viên giảng dạy học phần và được giảng viên, Khoa/Trung tâm đồng ý để hoãn kiểm tra, việc tổ chức kiểm tra bù cho sinh viên được thực hiện theo quy định. Trường hợp sinh viên vắng kiểm tra không có lý do chính đáng, sinh viên phải nhận điểm kiểm tra là 0 (không). Số điểm kiểm tra học phần được quy định như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số tín chỉ/  học phần | Điểm chuyên cần | Điểm kiểm tra |
| 2 tín chỉ | 1 | 1 |
| 3-4 tín chỉ | 1 | 2 |
| ≥ 5 tín chỉ | 1 | 3 |

3. Thi kết thúc học phần:

a) Mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần (chia thành 2 đợt thi).

b) Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu có đủ các điều kiện sau đây:

- Nộp đủ học phí của học kỳ trong vòng 45 ngày tính từ ngày bắt đầu học kỳ, trừ trường hợp đặc biệt nộp trước khi duyệt thi.

- Tham dự ít nhất 75% số tiết đối với nội dung/học phần lý thuyết, tham dự 100% số tiết đối với nội dung/học phần thực hành tại trường, thực tập tại cộng đồng, bệnh viện.

Học phần sinh viên không đủ điều kiện dự thi sẽ bị tính điểm F.

c) Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng, phải viết đơn xin hoãn thi có xác nhận của cố vấn học tập và được Khoa/Trung tâm/Phòng liên quan đồng ý. Sinh viên được dự thi ở một đợt khác và được tính điểm lần 1. Việc thi bù của sinh viên được thực hiện theo quy định. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm thi là 0.

4. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức đánh giá khóa luận tốt nghiệp được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức đánh giá và việc đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c) Diễn biến của buổi đánh giá trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

d) Sinh viên vắng mặt trong buổi đánh giá nếu không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

5. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10,0;

B: từ 7,0 đến 8,4;

C: từ 5,5 đến 6,9;

D: từ 4,0 đến 5,4.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt (Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – an ninh), không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

đ) Việc xếp các loại mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

- Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0.

- Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được phép nợ;

- Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

e) Việc xếp loại mức điểm F ngoài những trường hợp nêu tại điểm c khoản này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên không đủ điều kiện dự thi học phần hoặc vi phạm nội quy thi, bị xử lý ở mức đình chỉ.

Trước khi bắt đầu học kỳ kế tiếp, sinh viên phải trả nợ xong các nội dung học, kiểm tra, thi học phần để được công nhận điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa được công nhận điểm có lý do chính đáng, nhưng không rơi vào trường hợp buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc tổ chức, quản lý thi, kiểm tra bao gồm thời gian thi/kiểm tra, ra đề thi/kiểm tra, coi thi/kiểm tra, chấm thi/kiểm tra, phúc khảo (nếu có), bảo quản bài thi/kiểm tra, hoãn thi/kiểm tra và miễn thi/kiểm tra,.... được thực hiện theo Quy định kiểm tra/đánh giá học phần hiện hành.

**Điều 9. Học lại, thi và học cải thiện điểm**

1. Sinh viên có điểm học phần không đạt phải đăng ký học lại theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này; điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

2. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D trừ trường hợp được quy định tại khoản 4 điều này. Riêng Học phần Quốc phòng An ninh, Giáo dục thể chất thực hiện theo các quy định hiện hành

Đối với học phần có số sinh viên đăng ký học lại hoặc số sinh viên phải học lại ít (dưới 10SV), Phòng Đào tạo Đại học xếp lịch cho sinh viên học lại cùng khoá sau.

Đối với học phần có đủ sinh viên đăng ký học lại (10SV trở lên), Phòng Đào tạo Đại học xếp lịch học cho sinh viên học lại vào ngoài giờ hành chính, hoặc học kỳ phụ (học kỳ hè).

3. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó, hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác hoặc đánh giá lại một điểm thành phần theo quy định tại khoản 4 điều này.

4. Sinh viên được thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần một lần để cải thiện điểm từ học phần không đạt thành đạt, trong trường hợp này điểm học phần sau khi kiểm tra lại hoặc thi lại, được giới hạn như sau: điểm tổng kết học phần sau khi đánh giá lại là D thì giữ nguyên D; điểm tổng kết học phần sau khi đánh giá lại là A, B, hoặc C thì được công nhận là C

5. Học cải thiện điểm:

a) Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học cải thiện đối với các học phần đạt điểm D, C để cải thiện điểm trung bình chung tích luỹ.

b) Những học phần học cải thiện, sinh viên được quyền lấy điểm tổng kết cao nhất của học phần để tính trung bình chung tích luỹ và sinh viên phải nộp học phí của học phần theo quy định.

c) Sinh viên chỉ được học cải thiện điểm không quá 8 tín chỉ đối với một học kỳ. Sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo không được quyền học cải thiện điểm.

**Điều 10. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học**

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

A quy đổi thành 4;

B quy đổi thành 3;

C quy đổi thành 2;

D quy đổi thành 1;

F quy đổi thành 0.

3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau (theo thang điểm 4):

Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;

Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;

Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;

Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;

Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;

Dưới 1,0: Kém.

a) Sau mỗi kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp loại về học lực như sau:

Loại đạt: xếp loại từ Trung bình trở lên

Loại không đạt: xếp loại học lực Yếu, Kém

b) Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp loại sinh viên về học lực.

5. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến một chữ số thập phân:













*n*

*i*

*i*

*n*

*i*

*i*

*i*

*n*

*n*

*a*

*A*

1

1

Trong đó:

*A* là điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

*ai* là điểm của học phần thứ i, theo thang điểm 4.

*ni* là số tín chỉ của học phần thứ i.

*n* là tổng số tín chỉ đã tích lũy

6. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, chỉ tính theo kết quả kiểm tra, thi kết thúc học phần lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích luỹ để xét cảnh báo, thôi học, xếp loại học lực sinh viên và xếp loại tốt nghiệp được tính theo điểm kiểm tra, thi kết thúc học phần cao nhất.

7. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

a) Trình độ năm thứ nhất: N < M;

b) Trình độ năm thứ hai: M ≤ N < 2M;

c) Trình độ năm thứ ba: 2M ≤ N < 3M;

d) Trình độ năm thứ tư: 3M ≤ N < 4M;

**Điều 11. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ**

1. Cảnh báo học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Sinh viên thuộc diện cảnh báo học tập thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;

b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,8 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,0 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,2 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,4 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,6 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba dưới 1,8 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có tổng số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 2 lần tính từ đầu khóa học cho đến thời điểm xét;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

c) Bị kỷ luật vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

d) Các trường hợp bị buộc thôi học khác theo qui định tại Quy chế công tác sinh viên hiện hành.

đ) Trường hợp sinh viên hệ chính quy thuộc mục a, b khoản này được quyền xin xét chuyển sang học chương trình đào tạo vừa làm vừa học tương ứng của Nhà trường nếu còn trong thời gian học tập theo khoản 5 Điều 2 đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học và được xét miễn, chuyển điểm các học phần đã tích lũy đạt yêu cầu trước đó.

3. Hội đồng xét cảnh bảo học tập, buộc thôi học:

a) Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng xét cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học.

b) Thành phần Hội đồng gồm:

- Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được uỷ quyền): Chủ tịch Hội đồng

- Trưởng Phòng Đào tạo Đại học: Uỷ viên thường trực

- Các uỷ viên: Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng Phòng Công tác học sinh - sinh viên, Trưởng các Khoa/Trung tâm chuyên môn, Cố vấn học tập và một số uỷ viên khác.

**Điều 12. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

1. Nhà trường công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ của sinh viên đã tích lũy từ một chương trình đào tạo khác, một ngành đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học theo các quy định hiện hành. Khối lượng tối đa công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

2. Hiệu trưởng Nhà trường thành lập Hội đồng xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ, Hội đồng có trách nhiệm xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình.

3. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên được thực hiện theo Quy định xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo trình độ Đại học hiện hành.

**Điều 13. Công nhận tốt nghiệp**

1. Thực tập tốt nghiệp:

a) Thời gian thực tập tốt nghiệp đối với từng đối tượng người học được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo tương ứng, đề cương chi tiết học phần Thực tập tốt nghiệp và được Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt.

b) Đối tượng thực tập tốt nghiệp gồm:

- Những sinh viên đủ điều kiện tiếp tục học tập kỳ cuối khóa;

- Đã tích lũy đạt yêu cầu các học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo

- Những sinh viên khóa trước chưa thực tập cuối khóa hoặc chưa đạt có đơn xin Nhà trường được thực tập/thực tập lại (đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về ý thức chấp hành pháp luật của sinh viên trong thời gian cư trú)

c) Tổ chức thực tập tốt nghiệp: Phòng Đào tạo Đại học là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức, quản lý thực tập tốt nghiệp.

2. Khóa luận tốt nghiệp:

a) Đầu học kỳ cuối khóa, các sinh viên được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn thay thế nếu không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp.

b) Làm khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đạt mức quy định của Nhà trường. Khối lượng và nội dung Khóa luận tốt nghiệp được qui định cụ thể trong chương trình đào tạo. Hiệu trưởng ban hành quy định về khóa luận tốt nghiệp phù hợp với yêu cầu đào tạo của Nhà trường.

c) Điểm khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của khóa học.

3. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đạt yêu cầu, đủ các học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác của chương trình đào tạo

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và đạt học phần Giáo dục thể chất;

đ) Đạt chuẩn ngoại ngữ đầu ra, năng lực tin học theo quy định của Nhà trường;

e) Hoàn thành nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định của Nhà trường.

4. Thời điểm xét:

Nhà trường xét tốt nghiệp cho sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp, hoàn thành chương trình học tập theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa. Trường hợp sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học phải làm đơn xin xét tốt nghiệp gửi về Phòng Đào tạo Đại học. Nhà trường sẽ tổ chức xét tốt nghiệp vào tuần đầu tiên của tháng tiếp theo.

Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 3 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp trình Hiệu trưởng phê duyệt.

5. Hội đồng xét tốt nghiệp:

a) Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp.

b) Thành phần Hội đồng gồm:

- Hiệu trưởng (hoặc Phó Hiệu trưởng được uỷ quyền): Chủ tịch Hội đồng

- Trưởng Phòng Đào tạo Đại học: Uỷ viên thường trực

- Các uỷ viên: Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng Phòng Công tác học sinh - sinh viên, Trưởng các Khoa/Trung tâm chuyên môn và một số uỷ viên khác.

6. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

**Điều 14. Cấp bằng tốt nghiệp**

1. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng Nhà trường ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường. Trong thời gian chờ cấp bằng, Nhà trường cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời cho sinh viên.

2. Mỗi sinh viên tốt nghiệp chỉ được cấp 01 bằng cử nhân và 01 phụ lục văn bằng cử nhân, sinh viên làm mất bằng sẽ không được cấp lại. Trường hợp mất bằng, sinh viên có nhu cầu cấp bản sao bằng từ sổ gốc, phải làm đơn đề nghị Nhà trường để được cấp bản sao theo qui định.

3. Bằng cử nhân và phụ lục văn bằng cử nhân cấp cho sinh viên phải tuân thủ theo qui định hiện hành về quản lý văn bằng, chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Nội dung ghi trên văn bằng, phụ lục văn bằng phải tuân thủ qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiệu trưởng quy định cụ thể các nội dung về quản lý, in, cấp phát phôi, văn bằng, chứng chỉ của Nhà trường.

5. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khoá được quy định tại khoản 4 Điều 10 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ qui định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

6. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng-an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học.

7. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Nhà trường.

**Chương IV**

**NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN**

**Điều 15. Nghỉ học tạm thời, thôi học**

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Được cơ quan có thẩm quyền điều động tham gia công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh;

d) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo qui định của Bộ Y tế;

e) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ ở Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật theo qui định tại khoản 2 Điều 11 và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 trở lên.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân (ốm, thai sản hoặc tai nạn, lý do cá nhân khác) được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này. Sinh viên nghỉ học tạm thời trong trường hợp này phải viết đơn xin nghỉ học tạm thời có xác nhận của Cố vấn học tập, trong đó ghi rõ lý do xin nghỉ học, lớp học phần, tên giảng viên giảng dạy và gửi tới Khoa/Trung tâm phụ trách học phần, phòng Đào tạo Đại học, phòng Công tác Học sinh Sinh viên kể từ ngày nghỉ kèm theo minh chứng (nếu có).

Lãnh đạo Khoa/Trung tâm thông báo kịp thời đến cho giảng viên giảng dạy học phần.

Kết thúc nghỉ học tạm thời, sinh viên phải gửi đơn có xác nhận của Cố vấn học tập xin tiếp tục học cho Khoa/Trung tâm, Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Công tác Học sinh Sinh viên, báo cáo giảng viên giảng dạy và đi học theo lịch học đã đăng ký từ đầu kỳ học.

Sinh viên phải viết đơn xin học bù các buổi học đã vắng mặt theo qui định để đáp ứng điều kiện thi kết thúc học phần. Phòng Đào tạo Đại học sẽ xếp lịch học bù cho sinh viên cùng các lớp học phần khác (nếu có) hoặc học riêng vào thời gian phù hợp (sinh viên phải chi trả kinh phí học bù theo qui định hiện hành của Nhà trường)

3. Sinh viên muốn xin nghỉ học tạm thời thuộc các trường hợp tại mục a,b,c khoản 1 Điều này phải làm đơn có xác nhận của cố vấn học tập, kèm theo các minh chứng (nếu có) nộp về phòng Công tác Học sinh Sinh viên để phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học xem xét, trình Hiệu trưởng ra Quyết định.

4. Sinh viên nghỉ học tạm thời thuộc các trường hợp tại mục a,b,c khoản 1 Điều này khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải viết đơn có xác nhận của Cố vấn học tập nộp về phòng Công tác Học sinh Sinh viên một tuần trước khi quay trở lại học để phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học xem xét, trình Hiệu trưởng ra Quyết định.

5. Quá thời hạn một tháng ghi trong quyết định nghỉ học tạm thời, sinh viên không đến làm thủ tục xin học tiếp, Nhà trường sẽ xóa tên sinh viên trong danh sách khóa học.

3. Thôi học:

Sinh viên không có nhu cầu học tập tại trường hoặc vì lý do cá nhân có thể viết đơn xin thôi học có xác nhận của cố vấn học tập, kèm theo các minh chứng (nếu có) nộp về phòng Công tác Học sinh Sinh viên để phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, trình Hiệu trưởng ra Quyết định.

Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác trong năm tuyển sinh; sinh viên được xét miễn, công nhận điểm học phần đã tích lũy trước đó theo Điều 12 của Qui chế này.

**Điều 16. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học**

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một ngành đào tạo khác khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của ngành đào tạo trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng Nhà trường.

2. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm thứ tư, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng Nhà trường và Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học của Nhà trường nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

4. Qui trình chuyển chương trình, ngành đào tạo, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo hoặc chuyển hình thức học thực hiện theo phụ lục 1 của Qui chế này.

**Điều 17. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo**

1. Sinh viên được tích lũy một số học phần tại cơ sở giáo dục đại học khác và ngược lại nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Cơ sở đào tạo khác đang tổ chức đào tạo các ngành thuộc khối ngành sức khỏe

b) Cơ sở đào tạo khác thực hiện phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ

c) Học phần có nội dung và thời lượng tương đương với học phần trong chương trình đào tạo sinh viên đang học tập tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải tương ứng với ngành và trình độ đào tạo mà sinh viên đang theo học.

d) Được Hiệu trưởng hai cơ sở đào tạo đồng ý với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy theo chương trình trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo. Tổng số tín chỉ sinh viên được phép tích lũy tại cơ sở đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo sinh viên đang theo học

2. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên thực hiện theo quy chế xét miễn và chuyển điểm học phần hiện hành của Nhà trường.

**Điều 18. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của Nhà trường cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Nhà trường chỉ tổ chức đào tạo chương trình thứ hai cho sinh viên khi số thí sinh trúng tuyển nhập học chương trình thứ hai chưa đủ so với chỉ tiêu tuyển sinh đã công bố của chương trình đó.

Chỉ tiêu tuyển sinh chương trình thứ hai bằng chỉ tiêu tuyển sinh của chương trình trong năm tuyển sinh trừ đi số sinh viên đã trúng tuyển nhập học và hiện đang học tập chương trình đó.

3. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau:

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

Nếu số sinh viên đăng ký học chương trình thứ hai nhiều hơn số chỉ tiêu tuyển sinh Nhà trường được phép đào tạo, Nhà trường sẽ xét tuyển điểm từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu. Điểm xét tuyển là điểm trung bình chung tích lũy của sinh viên tại thời điểm xét. 50% chỉ tiêu xét tuyển các sinh viên đăng ký học chương trình thứ hai theo Điểm a, khoản 3 Điều này; 50% chỉ tiêu xét tuyển các sinh viên đăng ký học chương trình thứ hai theo Điểm b, Khoản 3 Điều này.

4. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích luỹ của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

5. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

6. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

**Điều 19. Học liên thông đối với người có văn bằng khác**

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và quy chế của Nhà trường.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác mà Nhà trường đang tổ chức đào tạo nếu ngành học đó đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa và hình thức đào tạo mà người học lựa chọn.

3. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

4. Công tác tuyển sinh Đại học liên thông thực hiện theo Qui chế tuyển sinh đại học hiện hành. Việc công nhận, chuyển đổi tín chỉ và miễn trừ học phần cho sinh viên liên thông theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này và Qui định hiện hành của Nhà trường về việc xét miễn và công nhận điểm học phần.

**Điều 20. Xử lý vi phạm đối với sinh viên**

1. Sinh viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo các quy định của Quy chế thi tốt nghiệp Trung học phổ thông hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quy chế này:**

1. Căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành khác có liên quan, các phòng chức năng Xây dựng/Rà soát, cập nhật các quy chế, quy định liên quan đến tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của Nhà trường
2. Phòng Đào tạo Đại học và phòng Công tác học sinh sinh viên phối hợp thực hiện xây dựng kế hoạch và phổ biến qui chế đào tạo của Nhà trường, các qui định liên quan đến quá trình học tập, các qui định về nghĩa vụ và quyền lợi của của sinh viên ngay trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học
3. Phòng Thanh tra xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, qui chế của Nhà trường và các nhiệm vụ khác liên quan đến đào tạo
4. Nhà trường thực hiện trách nhiệm giải trình theo qui định của Luật Giáo dục Đại học hiện hành và các qui định khác của pháp luật có liên quan

**Điều 22. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin**

1. Trước ngày 31/12 hàng năm, Nhà trường phải báo cáo Bộ Giáo dục Đào tạo và Bộ Y tế về số liệu sinh viên tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;
2. Nhà trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành:

a) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu lưu trữ được bảo quản vĩnh viễn tại Trường;

b) Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo;

c) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.

1. Phòng Công nghệ thông tin là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan công khai đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Nhà trường chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo:

a) Quy chế đào tạo trình độ đại học của Nhà trường và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

b) Quyết định mở ngành đào tạo;

c) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Các minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

đ) Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

**Điều 23. Điều khoản thi hành**

Quy chế này gồm 05 Chương, 23 Điều, có hiệu lực áp dụng đối với người học trúng tuyển nhập học tại trường từ năm học 2021-2022. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vướng mắc, các cá nhân. tổ chức gửi nội dung về phòng Đào tạo Đại học là đầu mối tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét để điều chỉnh, sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

**KT.HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Trương Tuấn Anh**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG**  **NAM ĐỊNH**  Số: 1943 /QĐ-ĐDN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**  *Nam Định, ngày 01 tháng 8 năm 2022* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Chỉnh sửa, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học**

**của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH**

*Căn cứ Quyết định số 24/2004/QĐ-TTg ngày 26/02/2004 của Thủ thướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;*

*Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐT ngày 22/9/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc phê duyệt và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 1548/QĐ-ĐDN ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Đại học.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Chỉnh sửa Khoản 4, Điều 9 của Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định ban hành kèm theo Quyết định số 1548/QĐ-ĐDN ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định như sau:

Sinh viên được thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần một lần để cải thiện điểm từ học phần không đạt thành đạt (không áp dụng cho học phần không đạt do vi phạm quy chế thi ở mức đình chỉ thi hoặc không đạt do nghỉ học quá thời gian quy định), trong trường hợp này điểm học phần sau khi kiểm tra lại hoặc thi lại, được giới hạn như sau: điểm tổng kết học phần sau khi đánh giá lại là D thì giữ nguyên D; điểm tổng kết học phần sau khi đánh giá lại là A, B, hoặc C thì được công nhận là C.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này được áp dụng từ năm học 2022-2023 (từ ngày 01 tháng 08 năm 2022).

**Điều 3.** Trưởng các Khoa, Phòng, Trung tâm, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Chủ tịch HĐT (để b/c);  - Ban Giám hiệu;  - Lưu: VT, QLĐTĐH. | **HIỆU TRƯỞNG**  **(Đã ký)**  **Trương Tuấn Anh** |